

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP PHÒNG VẤN TẠI VÒNG 2
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022
(Kèm theo Thông báo số: TB-HĐXT ngày /02/2023 của HĐXT)

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (Chương I, mục 2 Chương II); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.
2. Luật Viên chức năm 2010 (Chương I, Chương II, mục 2, 6 Chương III; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, viên chức năm 2019 (phần về viên chức).
3. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Chương I, mục 5, 6 Chương II, mục 2 Chương III).
4. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (phần về viên chức).
5. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (phần về viên chức).
6. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.
7. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

1. Vị trí việc làm Công tác đào tạo, tổng hợp. Ngạch chuyên viên, mã số: 01.003

1.1. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp: Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13, ngày 27/11/2014 của Quốc hội (Chương I: Điều 4, Điều 6; Chương II: Điều 23; Chương III: Mục 1, Mục 2; Chương V: Mục 1, Mục 2; Chương VI; Chương VII: Điều 73.

1.2. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên: Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội (Chương I: Điều 2, Điều 8, Điều 9, Điều 22; Chương II: Mục 1 Điều 31, Mục 2 Điều 41, Điều 42, Điều 43; Chương VIII: Mục 3 Điều 110.

2. Vị trí việc làm Chăn nuôi thú y. Chức danh nghề nghiệp: Chẩn đoán bệnh động vật hạng III, mã số: V.03.04.11

2.1. Lĩnh vực chăn nuôi

- Luật chăn nuôi năm 2018
- Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi.

2.2. Lĩnh vực Thú y

- Luật Thú y năm 2015
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

- Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNNPTNT ngày 14/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Kiến thức dịch bệnh động vật chuyên ngành: (1) Bệnh Cúm gia cầm; (2) Bệnh Lở mồm long móng; (3) Bệnh Tai xanh ở lợn; (4) Bệnh Dịch tả lợn; (5) Bệnh Đại động vật; (6) Bệnh Niu-cát-xơn; (7) Bệnh Liên cầu khuẩn lợn; (8) Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

2.3. Lĩnh vực thủy sản

- Luật Thủy sản năm 2017.

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

3. Vị trí việc làm Trồng trọt và bảo vệ thực vật. Chức danh nghề nghiệp: Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, mã số: V.03.01.02

- Luật Trồng trọt năm 2020 (Chương I: Điều 3, Điều 4, Điều 9; Chương II: Mục 5, Điều 51; Chương IV: Mục 6 Điều 72).

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2015 (Chương I: Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 13; Chương II: Điều 14, Điều 16, Điều 18; Chương IV: Điều 48; Điều 63, Điều 64 (Mục 3)

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật (Chương II: Điều 4).

- Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/05/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật (Chương IV: Điều 31).

4. Vị trí việc làm Khuyến nông và định cư. Chức danh nghề nghiệp: Khuyến nông viên hạng III, mã số: V.03.09.26

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông (Điều 3 đến Điều 10, Điều 12, Điều 24).

- Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông (Điều 2, Điều 3).

- Nghị quyết số 123/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Điều 4, Điều 7 Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Gia Lai kèm theo Nghị quyết số 123/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai).

- Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao/huyện nông thôn mới nâng cao (tiết a, điểm 4, Khoản II, Mục 2, Chương I; điểm 3, Khoản II, Mục 3, Chương III).

5. Vị trí việc làm Kế toán viên; mã số: 06.031

1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 (Chương I: Điều 1 đến Điều 14; Chương III: Điều 37 đến Điều 40; Chương V: Điều 49 đến Điều 59).

2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 (Chương I: Điều 1 đến Điều 15; Chương II: Điều 22 đến Điều 23, Điều 28 đến 30, Điều 34 đến 39; Chương III: Điều 49 đến Điều 54; Chương IV: Điều 55, Điều 56).

3. Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp (Điều 1 đến Điều 6) và phụ lục số 02 (Liên quan đến Tài Khoản 111, 112, 332, 333, 334, 611).